

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

NĂM 2022

Loại tài sản: Tất cả

Chi tiết bậc tài sản: 1; Chi tiết bậc đơn vị: 2

ĐVT cho: Diện tích đất là: Mét vuông; Diện tích nhà là: Mét vuông; Số lượng là: Cái, Khuyên viên; Giá trị là: Nghìn đồng

[illegible]

ST T	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Thu hồi				Chuyển giao về địa phương				Điều chuyển				Bán				Thanh lý				Tiêu hủy				Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại				Khác				Ghi chú
		SL	Diện tích	Nguyên giá	GTCL	SL	Diện tích	Nguyên giá	GTCL	SL	Diện tích	Nguyên giá	GTCL	SL	Diện tích	Nguyên giá	GTCL	SL	Diện tích	Nguyên giá	GTCL	SL	Diện tích	Nguyên giá	GTCL	SL	Diện tích	Nguyên giá	GTCL	SL	Diện tích	Nguyên giá	GTCL	
1.7	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Lai Châu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	39.114	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Tài sản cố định khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	39.114	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.8	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh thành phố Hải Phòng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12	-	17.021.451	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Tài sản cố định khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12	-	17.021.451	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Hưng Yên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	3.870	2.162.758	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Nhà	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	3.870	2.162.758	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.10	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Phú Thọ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1.000	102.593	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Nhà	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1.000	102.593	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.11	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Nam Định	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	539.222	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Tài sản cố định khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	539.222	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.12	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Thanh Hóa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	772.448	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Ô tô	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	772.448	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.13	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	439.629	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Ô tô	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	439.629	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.14	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Quảng Bình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	71.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Tài sản cố định khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	71.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.15	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	406.079	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Ô tô	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	406.079	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.16	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Quảng Nam	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	973.235	243.309	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Tài sản cố định khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	973.235	243.309	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.17	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Phú Yên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	-	3.427.303	496.322	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Tài sản cố định khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	-	3.427.303	496.322	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.18	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	1.967.948	253.014	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

28

ST T	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Thu hồi				Chuyển giao về địa phương				Điều chuyển				Bán				Thanh lý				Tiêu hủy				Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại				Khác				Ghi chú
		SL	Diện tích	Nguyên giá	GTCL	SL	Diện tích	Nguyên giá	GTCL	SL	Diện tích	Nguyên giá	GTCL	SL	Diện tích	Nguyên giá	GTCL	SL	Diện tích	Nguyên giá	GTCL	SL	Diện tích	Nguyên giá	GTCL	SL	Diện tích	Nguyên giá	GTCL	SL	Diện tích	Nguyên giá	GT CL	
1	Ô tô	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	416.690	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Tài sản cố định khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	1.551.257	253.014	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.19	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Kon Tum	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	973.236	243.309	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Tài sản cố định khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	973.236	243.309	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.20	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	1.331.437	332.859	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Tài sản cố định khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	1.331.437	332.859	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.21	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tây Ninh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	558.877	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Ô tô	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	558.877	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.22	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16	-	2.802.045	253.014	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Tài sản cố định khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16	-	2.802.045	253.014	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.23	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Long An	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	1.397.175	698.588	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Tài sản cố định khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	1.397.175	698.588	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.24	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh An Giang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	6.019	1.997.859	719.229	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Nhà	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	6.019	1.997.859	719.229	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.25	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tiền Giang	-	-	-	-	2	289	156.216	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Đất	-	-	-	-	1	177	111.756	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	-	-	-	-	1	112	44.460	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.26	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bến Tre	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	1.299.675	649.838	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Tài sản cố định khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	1.299.675	649.838	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.27	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Vĩnh Long	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	2.524.492	496.322	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Tài sản cố định khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	2.524.492	496.322	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.28	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Trà Vinh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	-	3.914.556	496.322	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Tài sản cố định khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	-	3.914.556	496.322	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

28

ST T	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Thu hồi				Chuyển giao về địa phương				Điều chuyển				Bán				Thanh lý				Tiêu hủy				Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại				Khác				Ghi chú
		SL	Diện tích	Nguyên giá	GTCL	SL	Diện tích	Nguyên giá	GTCL	SL	Diện tích	Nguyên giá	GTCL	SL	Diện tích	Nguyên giá	GTCL	SL	Diện tích	Nguyên giá	GTCL	SL	Diện tích	Nguyên giá	GTCL	SL	Diện tích	Nguyên giá	GTCL	SL	Diện tích	Nguyên giá	GTCL	
1.29	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh thành phố Cần Thơ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	452.254	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Ô tô	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	452.254	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.30	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	436.254	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Ô tô	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	436.254	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.31	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	973.235	243.309	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Tài sản cố định khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	973.235	243.309	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.32	Chi Cục Quản trị tại thành phố Hồ Chí Minh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	60	473.915	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Nhà	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	60	45.657	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Ô tô	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	428.258	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.33	Chi Cục Công nghệ thông tin	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	1.424.459	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Tài sản cố định khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	1.424.459	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.34	Thời báo Ngân hàng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	17.800	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Tài sản cố định khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	17.800	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.35	Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng	-	-	-	-	-	-	-	-	6	-	9.086.849	4.653.599	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Tài sản cố định khác	-	-	-	-	-	-	-	-	6	-	9.086.849	4.653.599	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Nguồn: Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công

Người lập biểu



Hà Thu Hương

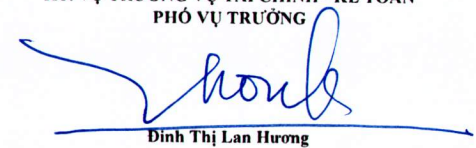
Kiểm soát



Vũ Thị Kim Thanh

Hà nội, ngày 15 tháng 3 năm 2023

TL. THÔNG ĐỐC
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Đinh Thị Lan Hương

Bộ, ngành, tỉnh: Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam

Mã đơn vị: 036

Mẫu số 10b-CK/TSC

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG
NĂM 2022**

Loại tài sản: Tất cả

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích đất là: Mét vuông; Diện tích nhà là: Mét vuông; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Tổng cộng		9.407								
- Đất khuôn viên		124	544.544	323.502	151.636	-	-	-	65.513	3.893
- Nhà		443	780.888	390.653	116.281	1.444	-	-	269.164	3.346
- Xe ô tô		321		298	22	-	-	-	-	-
- Tài sản cố định khác		8.519		6.079	2.131	14	-	-	-	3
I	Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam	9.407								
I.1	Cục Quản trị Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam	919								
1	Đất	7	17.221	17.221	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	24	58.529	58.529	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	40	-	40	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	848	-	848	-	-	-	-	-	-
I.2	Cục Phát hành và Kho quỹ	167								
1	Nhà	7	17.826	17.826	-	-	-	-	-	-
2	Ô tô	30	-	30	-	-	-	-	-	-
3	Tài sản cố định khác	130	-	130	-	-	-	-	-	-
I.3	Chi Cục Phát hành và Kho quỹ	109								
1	Đất	2	1.135	1.135	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	2	1.155	951	-	-	-	-	-	204
3	Ô tô	17	-	17	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	88	-	88	-	-	-	-	-	-
I.4	Cục Công nghệ thông tin	706								

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	Đất	2	13.209	13.209	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	6	14.902	14.772	-	-	-	-	-	130
3	Ô tô	2	-	2	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	696	-	696	-	-	-	-	-	-
I.5	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh thành phố Hà Nội	126								
1	Đất	1	738	738	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	6	10.243	9.524	-	-	-	-	-	719
3	Ô tô	4	-	4	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	115	-	115	-	-	-	-	-	-
I.6	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang	54								
1	Đất	2	5.750	4.893	-	-	-	-	-	857
2	Nhà	7	3.970	3.970	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	2	-	2	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	43	-	43	-	-	-	-	-	-
I.7	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Hà Giang	57								
1	Đất	3	1.958	1.958	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	5	2.552	2.552	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	46	-	46	-	-	-	-	-	-
I.8	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Cao Bằng	60								
1	Đất	1	4.880	4.880	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	6	5.621	5.621	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	50	-	50	-	-	-	-	-	-
I.9	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn	65								
1	Đất	1	4.273	4.273	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	6	4.632	4.632	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	55	-	55	-	-	-	-	-	-

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
I.10	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bắc Cạn	60								
1	Đất	1	2.000	2.000	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	5	2.919	2.919	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	51	-	51	-	-	-	-	-	-
I.11	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên	75								
1	Đất	1	4.939	4.939	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	10	9.328	9.296	-	-	-	-	-	32
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	61	-	61	-	-	-	-	-	-
I.12	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Yên Bái	63								
1	Đất	1	9.792	9.792	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	3	5.635	5.635	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	2	-	2	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	57	-	57	-	-	-	-	-	-
I.13	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Lào Cai	59								
1	Đất	2	11.300	11.300	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	6	3.783	3.783	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	48	-	48	-	-	-	-	-	-
I.14	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Điện Biên	63								
1	Đất	1	3.026	3.026	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	4	2.409	2.409	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	55	-	55	-	-	-	-	-	-
I.15	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Sơn La	149								
1	Đất	2	8.391	8.391	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	10	3.296	3.296	-	-	-	-	-	-

w

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	134	-	134	-	-	-	-	-	-
I.16	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Quảng Ninh	101								
1	Đất	1	2.694	2.694	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	7	4.390	4.390	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	90	-	90	-	-	-	-	-	-
I.17	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Lai Châu	63								
1	Đất	1	5.960	5.960	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	5	3.155	3.155	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	4	-	4	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	53	-	53	-	-	-	-	-	-
I.18	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh thành phố Hải Phòng	106								
1	Đất	2	6.602	4.527	2.075	-	-	-	-	-
2	Nhà	7	7.099	7.099	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	94	-	94	-	-	-	-	-	-
I.19	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Hải Dương	63								
1	Đất	2	2.471	2.471	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	5	3.108	3.108	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	53	-	51	-	-	-	-	-	2
I.20	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Hưng Yên	42								
1	Đất	1	4.167	4.167	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	3	1.896	1.896	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	35	-	35	-	-	-	-	-	-

W

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
I.21	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bắc Giang	73								
1	Đất	1	3.902	3.902	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	6	3.514	3.514	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	63	-	63	-	-	-	-	-	-
I.22	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh	62								
1	Đất	1	4.655	4.655	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	4	4.151	4.151	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	54	-	54	-	-	-	-	-	-
I.23	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Phú Thọ	79								
1	Đất	1	8.262	8.262	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	4	8.896	8.896	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	2	-	2	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	72	-	72	-	-	-	-	-	-
I.24	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc	66								
1	Đất	1	3.299	3.299	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	4	2.534	2.534	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	58	-	58	-	-	-	-	-	-
I.25	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Hòa Bình	86								
1	Đất	2	7.976	7.976	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	8	9.529	9.529	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	73	-	73	-	-	-	-	-	-
I.26	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Hà Nam	60								
1	Đất	2	4.148	4.148	-	-	-	-	-	-

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
2	Nhà	5	3.010	3.010	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	50	-	50	-	-	-	-	-	-
I.27	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Nam Định	63								
1	Đất	1	7.207	7.207	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	11	9.756	9.756	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	48	-	48	-	-	-	-	-	-
I.28	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Ninh Bình	75								
1	Đất	1	4.808	4.808	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	3	3.286	3.286	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	68	-	68	-	-	-	-	-	-
I.29	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Thái Bình	81								
1	Đất	1	4.112	4.112	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	8	4.440	4.440	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	69	-	69	-	-	-	-	-	-
I.30	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Thanh Hóa	72								
1	Đất	2	5.749	5.749	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	11	4.640	4.640	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	2	-	2	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	57	-	57	-	-	-	-	-	-
I.31	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Nghệ An	81								
1	Đất	1	6.659	6.659	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	8	558	558	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	69	-	69	-	-	-	-	-	-

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
I.32	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh	59								
1	Đất	1	3.360	3.360	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	4	3.290	3.290	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	2	-	2	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	52	-	52	-	-	-	-	-	-
I.33	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Quảng Bình	47								
1	Đất	3	6.791	6.791	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	2	2.946	2.946	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	39	-	39	-	-	-	-	-	-
I.34	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Quảng Trị	63								
1	Đất	2	5.066	5.066	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	6	5.226	5.226	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	52	-	52	-	-	-	-	-	-
I.35	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Thừa Thiên Huế	73								
1	Đất	1	5.757	5.757	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	4	5.366	5.271	-	-	-	-	-	95
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	65	-	65	-	-	-	-	-	-
I.36	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	96								
1	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
2	Tài sản cố định khác	93	-	93	-	-	-	-	-	-
I.37	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh thành phố Đà Nẵng	97								
1	Đất	2	4.131	4.131	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	3	6.525	6.525	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	4	-	4	-	-	-	-	-	-

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
4	Tài sản cố định khác	88	-	88	-	-	-	-	-	-
I.38	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Quảng Nam	79								
1	Đất	2	6.922	6.922	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	8	8.712	3.008	-	-	-	-	5.618	86
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	66	-	66	-	-	-	-	-	-
I.39	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi	62								
1	Đất	1	5.649	5.649	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	4	2.867	2.867	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	54	-	54	-	-	-	-	-	-
I.40	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bình Định	129								
1	Đất	4	4.570	4.570	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	5	11.204	11.204	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	16	-	16	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	104	-	104	-	-	-	-	-	-
I.41	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Phú Yên	48								
1	Đất	2	4.452	4.452	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	4	4.189	4.189	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	39	-	39	-	-	-	-	-	-
I.42	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa	60								
1	Đất	2	1.981	1.981	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	5	3.621	3.621	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	2	-	2	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	51	-	51	-	-	-	-	-	-
I.43	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đắk Nông	76								

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	Đất	1	5.854	5.854	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	3	2.866	2.856	-	-	-	-	-	10
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	69	-	69	-	-	-	-	-	-
I.44	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bình Thuận	60								
1	Đất	1	2.206	2.206	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	2	3.742	3.156	-	-	-	-	-	586
3	Ô tô	2	-	2	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	55	-	55	-	-	-	-	-	-
I.45	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Ninh Thuận	59								
1	Đất	2	5.184	5.184	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	6	3.319	3.319	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	2	-	2	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	49	-	49	-	-	-	-	-	-
I.46	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Gia Lai	66								
1	Đất	1	5.735	5.735	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	7	3.257	3.257	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	4	-	4	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	54	-	54	-	-	-	-	-	-
I.47	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Kon Tum	70								
1	Đất	1	1.910	1.910	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	2	2.878	2.878	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	64	-	64	-	-	-	-	-	-
I.48	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk	82								
1	Đất	2	6.972	6.972	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	5	5.119	5.119	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	4	-	4	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	71	-	71	-	-	-	-	-	-

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
I.49	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Lâm Đồng	76								
1	Đất	4	4.471	4.471	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	7	4.531	4.531	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	62	-	62	-	-	-	-	-	-
I.50	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Hậu Giang	64								
1	Đất	1	5.187	5.187	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	2	3.428	3.428	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	58	-	58	-	-	-	-	-	-
I.51	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bình Dương	57								
1	Đất	2	7.917	7.917	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	6	2.715	2.715	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	46	-	46	-	-	-	-	-	-
I.52	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bình Phước	92								
1	Đất	1	5.000	5.000	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	6	2.838	2.838	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	82	-	82	-	-	-	-	-	-
I.53	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tây Ninh	73								
1	Đất	1	5.518	5.518	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	5	6.573	6.573	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	2	-	2	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	65	-	65	-	-	-	-	-	-
I.54	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai	79								
1	Đất	1	1.483	1.483	-	-	-	-	-	-

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
2	Nhà	2	2.325	2.325	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	73	-	73	-	-	-	-	-	-
I.55	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	76								
1	Đất	1	2.370	2.370	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	1	6.680	6.680	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	71	-	71	-	-	-	-	-	-
I.56	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Long An	47								
1	Đất	1	1.696	1.696	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	4	1.100	1.100	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	1	-	1	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	41	-	41	-	-	-	-	-	-
I.57	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp	52								
1	Đất	1	4.366	4.366	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	4	2.910	2.271	639	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	44	-	43	-	-	-	-	-	1
I.58	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh An Giang	74								
1	Đất	3	2.434	2.198	-	-	-	-	-	236
2	Nhà	2	1.010	-	-	-	-	-	-	1.010
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	66	-	66	-	-	-	-	-	-
I.59	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tiền Giang	65								
1	Đất	2	4.201	4.201	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	4	2.574	2.574	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	2	-	2	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	57	-	57	-	-	-	-	-	-

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
I.60	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bến Tre	53								
1	Đất	1	7.085	7.085	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	6	7.422	7.422	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	43	-	43	-	-	-	-	-	-
I.61	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Vĩnh Long	44								
1	Đất	1	3.735	3.735	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	2	5.268	5.268	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	38	-	38	-	-	-	-	-	-
I.62	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Trà Vinh	58								
1	Đất	1	2.020	2.020	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	4	7.932	7.932	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	50	-	50	-	-	-	-	-	-
I.63	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh thành phố Cần Thơ	92								
1	Đất	2	2.587	2.587	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	3	5.301	5.301	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	4	-	4	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	83	-	83	-	-	-	-	-	-
I.64	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng	46								
1	Đất	1	1.732	1.732	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	4	1.793	1.793	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	2	-	2	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	39	-	39	-	-	-	-	-	-
I.65	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Kiên Giang	62								
1	Đất	2	1.802	1.802	-	-	-	-	-	-

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
2	Nhà	2	2.496	2.496	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	55	-	55	-	-	-	-	-	-
I.66	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu	47								
1	Đất	1	4.559	4.559	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	3	2.625	2.625	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	3	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	40	-	40	-	-	-	-	-	-
I.67	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Cà Mau	101								
1	Đất	3	566	566	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	7	2.462	2.462	-	-	-	-	-	-
3	Ô tô	2	-	2	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	89	-	89	-	-	-	-	-	-
I.68	Chi Cục Quản trị tại thành phố Hồ Chí Minh	204								
1	Đất	5	10.119	10.119	-	-	-	-	-	-
2	Nhà	7	32.386	31.912	-	-	-	-	-	474
3	Ô tô	13	-	13	-	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	179	-	179	-	-	-	-	-	-
I.69	Chi Cục Công nghệ thông tin	88								
1	Ô tô	1	-	1	-	-	-	-	-	-
2	Tài sản cố định khác	87	-	87	-	-	-	-	-	-
I.70	Trung tâm Thông tin Tin dụng Quốc gia Việt Nam	629								
1	Đất	1	2.432	-	2.432	-	-	-	-	-
2	Nhà	4	4.520	-	4.520	-	-	-	-	-
3	Ô tô	3	-	-	3	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	621	-	-	612	9	-	-	-	-
I.71	Trường Bồi dưỡng cán bộ ngân hàng	217								
1	Đất	3	9.661	-	9.661	-	-	-	-	-
2	Nhà	6	10.781	-	2.305	-	-	-	8.476	-

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
3	Ô tô	1	-	-	1	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	207	-	-	24	-	-	-	183	-
I.72	Thờ báo Ngân hàng	103								
1	Ô tô	1	-	-	1	-	-	-	-	-
2	Tài sản cố định khác	102	-	-	-	-	-	-	102	-
I.73	Tap chí Ngân hàng	74								
1	Ô tô	1	-	1	-	-	-	-	-	-
2	Tài sản cố định khác	73	-	-	73	-	-	-	-	-
I.74	Học viện Ngân hàng	900								
1	Đất	4	108.673	-	108.673	-	-	-	-	-
2	Nhà	55	77.574	-	52.819	-	-	-	24.755	-
3	Ô tô	10	-	-	9	-	-	-	1	-
4	Tài sản cố định khác	831	-	-	828	3	-	-	-	-
I.75	Trường Đại học Ngân hàng Tp.Hồ Chí Minh	637								
1	Đất	5	97.108	-	28.795	-	-	-	65.513	2.800
2	Nhà	21	287.757	-	55.998	1.444	-	-	230.315	-
3	Ô tô	8	-	-	8	-	-	-	-	-
4	Tài sản cố định khác	603	-	-	594	2	-	-	7	-
I.76	Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng	130								
1	Tài sản cố định khác	130	-	130	-	-	-	-	-	-
I.77	Sở giao dịch ngân hàng nhà nước Việt Nam	36								
1	Tài sản cố định khác	36	-	36	-	-	-	-	-	-

Hà nội, ngày 15 tháng 3 năm 2023

Nguồn: Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công

Người lập biểu



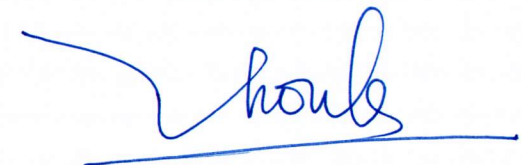
Hà Thu Hương

Kiểm soát



Vũ Thị Kim Thanh

TL. THỐNG ĐỐC
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Đinh Thị Lan Hương